

Số: 124./BC-STNMT

Điện Biên, ngày 04 tháng 6 năm 2018

### **BÁO CÁO**

**Bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2018 trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 07 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thực hiện Văn bản số 1161/UBND-TH ngày 08 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung họp UBND tỉnh các tháng 5, 6 năm 2018 và nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 8. Ngày 15/5/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản số 352/STNMT-QLDD đề nghị UBND các huyện, thị xã, rà soát báo cáo bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2018 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; đến hết ngày 03/6/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường mới nhận được báo cáo của UBND các huyện (*Nậm Pồ, Tủa Chùa, Tuần Giáo*), các huyện, thị xã, thành phố gửi file số qua Email (*Điện Biên Đông, Mường Chà, thị xã Mường Lay, thành phố Điện Biên Phủ*), các huyện chưa có báo cáo (*Mường Ảng, Mường Nhé, Điện Biên*).

Trên cơ sở báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, cụ thể như sau:

**I- Kết quả thực hiện thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh**

1. Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, từ năm 2014 đến nay, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã chấp thuận thông qua các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác

với tổng dự án là: **1.182 dự án** (trong đó: năm 2014 và năm 2015 số dự án là 747, năm 2016 số dự án là 176, năm 2017 số dự án là 173, năm 2018 số dự án là 86); diện tích cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng là: **9.496,84 ha** (năm 2014 và năm 2015 diện tích là 5.303,64ha, năm 2016 số diện tích là 1.470,13ha, năm 2017 số diện tích là 1.442,76 ha, năm 2018 số diện tích là 1.280,32 ha); trong đó dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh hủy bỏ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 107 dự án với trồng diện tích là **354,91 ha**. **Dự án** sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ là **358** (Cụ thể: Diện tích đất trồng lúa là 327,19 ha (năm 2014 và năm 2015 diện tích là 128,17ha, năm 2016 số diện tích là 60,01ha, năm 2017 số diện tích là 102,64 ha, năm 2018 số diện tích là 36,37 ha) và diện tích đất rừng phòng hộ là 267 ha (năm 2014 và năm 2015 diện tích là 68,12ha, năm 2016 số diện tích là 65,73ha, năm 2017 số diện tích là 91,15ha, năm 2018 số diện tích là 42 ha), (Có Phụ lục số 01, số 02 và số 03 chi tiết kèm theo).

Theo báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng số danh mục các công trình đã triển khai thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất từ năm 2014 đến nay là: **530/1.182 dự án** với tổng diện tích đã thực hiện 6.279,24 ha/8.216,53ha, đạt 45% số dự án và đạt 76% về diện tích (trong đó 132/335 dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đã thực hiện, đạt 39,4% số dự án, diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là 103,25ha/290,82ha và diện tích đất rừng phòng hộ đã chuyển mục đích là 120,79ha/225ha). Tổng số danh mục các công trình dự án chưa triển khai thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất **545 dự án** với tổng diện tích 2.862,69 ha (Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo).

Riêng trong năm 2018, đã triển khai thực hiện được 5/86 dự án với diện tích 5,22 ha/1.280,32 ha; đạt 5,81% số dự án và đạt 0,4% về diện tích (Có Phụ lục 04 chi tiết theo các huyện, thị xã, thành phố kèm theo).

## 2. Nguyên nhân các công trình, dự án chưa chậm triển khai thực hiện:

- Số lượng các dự án triển khai thực hiện từ năm 2014 đến năm 2015 của các đơn vị đăng ký nhiều nhưng thiếu cơ sở pháp lý thực hiện, cụ thể: Chưa có chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư dự án, văn bản bố trí vốn; chưa xác định chính xác diện tích, loại đất để triển khai thực hiện dự án; tính khả thi thấp do khó khăn về nguồn vốn thực hiện các dự án...

- Việc xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong tổng mức đầu tư của dự án được các Chủ đầu tư tính toán theo phương pháp tạm tính mà không được khảo sát, nghiên cứu cụ thể trong bước lập dự án đầu tư dẫn đến chưa xác định hoặc xác định rất thấp tổng giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cơ cấu tổng mức đầu tư Dự án; đặc biệt nhiều dự án không xác định rõ hộ tái định cư, không xây dựng khu tái định cư trước khi thu hồi đất, chưa ưu tiên nguồn vốn giải phóng mặt bằng do đó gặp nhiều khó khăn khi triển khai thực hiện.

- Công tác tuyên truyền, tham vấn cộng đồng, công bố công khai khi triển khai thực hiện dự án chưa được các chủ đầu tư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng quan tâm, coi trọng dẫn đến nhiều dự án không được sự ủng hộ của người bị thu hồi đất.

### 3. Giải pháp thực hiện:

3.1. UBND tỉnh tiếp tục giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Chủ đầu tư rà soát danh mục các dự án cần thu hồi đất và các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận thông qua; trường hợp các dự án không thể triển khai tổng hợp tham mưu báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra khỏi danh mục dự án cần thu hồi đất và các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác vào kỳ họp cuối năm 2018.

3.2. Đối với các dự án đã được bố trí vốn: Trong thời gian tới tập trung chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình dự án; ưu tiên thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và chi trả tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền; khẩn trương hoàn thiện thủ tục giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích theo quy định đối với các công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

## **II- Đề nghị xem xét chấp thuận bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác năm 2018.**

### 1. Sự cần thiết lập danh mục các dự án

Luật Đất đai năm 2013 ban hành quy định cụ thể quyền và trách nhiệm của Nhà nước đối với đất đai, trong đó có quy định các dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng do HĐND tỉnh chấp thuận; điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải có Nghị quyết của HĐND tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

Theo quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 9, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, tỉnh Điện Biên là tỉnh nghèo chưa chủ động được nguồn vốn, chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách Trung ương hỗ trợ, do đó chưa chủ động phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án theo quy định; mặt khác phát sinh một số dự án sử dụng nguồn vốn khác. Vì vậy, để đảm bảo việc thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và triển khai thực hiện các dự án được đúng tiến độ, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét chấp thuận bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

## 2. Danh mục dự án đề nghị thông qua

a) Chấp thuận **30 dự án** cần thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, với tổng nhu cầu sử dụng đất là **371,06 ha** (*Chi tiết như biểu số 02 kèm theo*);

Các dự án đề nghị xem xét chấp thuận đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư hoặc có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và không trùng lặp danh mục các công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

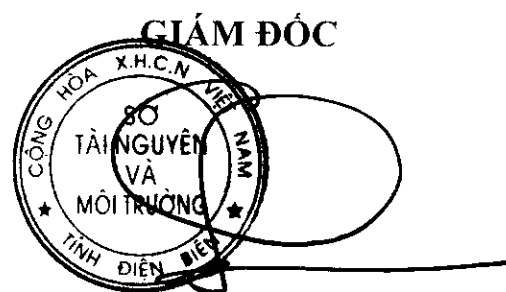
b) Chấp thuận chuyển mục đích sử dụng **6,0 ha** đất trồng lúa vào các mục đích khác để thực hiện **13 dự án** theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai (*Chi tiết như biểu số 03 kèm theo*);

Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2018 là phù hợp với kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 07/6/2013 và phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Điện Biên đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ tại Tờ trình số 99/TTr-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận theo quy định./. **K**

### ***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo sở;
- Chi cục QLDD;
- Lưu: VT.



**Bùi Châu Tuấn**

**Phụ lục 01: Tổng hợp danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác từ năm 2014 đến nay theo đơn vị cấp huyện**

*Đơn vị tính: ha*

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng cộng		Năm 2014 và 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích
1	Huyện Điện Biên	162	724,72	105	415,65	19	186,29	24	122,78	14	45,91
2	Thành phố Điện Biên Phủ	113	425,86	64	271,89	21	92,81	9	61,16	19	9,81
3	Huyện Điện Biên Đông	71	703,30	48	592,97	2	8,54	12	101,79	9	551,11
4	Huyện Mường Ảng	103	278,39	57	151,74	25	42,53	13	84,12	8	60,31
5	Huyện Tuần Giáo	136	543,86	53	253,66	38	142,64	38	147,56	7	66,56
6	Huyện Tủa Chùa	89	257,67	44	154,94	15	32,95	19	69,78	11	72,7
7	Thị xã Mường Lay	36	145,33	20	117,73	8	26,02	7	1,58	1	0,05
8	Huyện Mường Chà	79	387,99	52	146,33	11	29,81	8	211,85	8	166,36
9	Huyện Mường Nhé	110	3.998,38	60	2.774,70	18	712,28	28	511,40	4	235,75
10	Huyện Nậm Pồ	283	751,03	244	424,03	19	196,26	15	130,74	5	71,76
	<b>Tổng</b>	<b>1.182</b>	<b>8.216,53</b>	<b>747</b>	<b>5.303,64</b>	<b>176</b>	<b>1.470,13</b>	<b>173</b>	<b>1.442,76</b>	<b>86</b>	<b>1.280,32</b>

**Phụ lục 02: Tổng hợp danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác từ năm 2014 đến nay theo đơn vị cấp huyện**

*Đơn vị tính: ha*

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng cộng			Năm 2014 và 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
		Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
1	Huyện Điện Biên	57	51,34	84,06	38	26,47	30,75	8	10,36	6,6	8	11,83	22,8	3	2,68	23,91
2	Thành phố Điện Biên Phủ	23	25,9	0	12	7,47		9	6,94		1	9,79		1	1,7	
3	Huyện Điện Biên Đông	23	49	44,15	10	14,4	1,94	1	0,01		5	15,62	31,19	7	18,97	11,02
4	Huyện Mường Ảng	29	21,93	5,15	11	5,83	3,29	12	5,2	0,52	5	10,9	0,69	1		0,65
5	Huyện Tuần Giáo	57	38,79	55,52	17	6,76	6,7	20	14,14	22,85	19	17,19	25,97	1	0,7	
6	Huyện Tủa Chùa	27	15,54	15,19	12	2,9	11,9	8	3,38	0,09	4	6,06	3,2	3	3,2	

7	Thị xã Mường Lay	8	8,52	16,91	5	6,31	4,97	3	2,21	11,94						
8	Huyện Mường Chà	18	14,83	14,48	13	7,42	0,83	1		1,13	2	3	6,1	2	4,41	6,42
9	Huyện Mường Nhé	35	58,25	7,4	17	25,74	5,8	2	0,4	0,4	12	27,53	1,2	4	4,58	
10	Huyện Nậm Pồ	81	43,09	24,14	66	24,87	1,94	11	17,37	22,2	3	0,72		1	0,13	
	<b>Tổng</b>	<b>358</b>	<b>327,19</b>	<b>267</b>	<b>201</b>	<b>128,17</b>	<b>68,12</b>	<b>75</b>	<b>60,01</b>	<b>65,73</b>	<b>59</b>	<b>102,64</b>	<b>91,15</b>	<b>23</b>	<b>36,37</b>	<b>42</b>

**Phụ lục 03: Tổng số danh mục các công trình dự án đã hủy bỏ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Đơn vị hành chính	Số dự án	Diện tích
1	Huyện Điện Biên	48	199,84
2	Thành phố Điện Biên Phủ	7	60,98
3	Huyện Điện Biên Đông	14	42,32
4	Huyện Mường Ảng	12	5,81
5	Huyện Tuần Giáo	4	14,99
6	Huyện Tủa Chùa	9	14,17
7	Thị xã Mường Lay		
8	Huyện Mường Chà	2	0,53
9	Huyện Mường Nhé	9	12,99
10	Huyện Nậm Pồ	2	3,28
	<b>Tổng cộng</b>	<b>107</b>	<b>354,91</b>



**Phụ lục 04: Tổng số danh mục các công trình dự án đã triển khai thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018**

*Đơn vị tính: ha*

Số TT	Đơn vị hành chính	Số dự án được chấp thuận		Dự án đang triển khai thực hiện				Dự án chưa triển khai thực hiện			
		Số dự án	Diện tích	Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT	Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT
1	Huyện Điện Biên	14	45,91					14	1,00	45,91	100
2	Thành phố Điện Biên Phủ	19	9,81	1	5	0,37	0,04	18	0,95	9,44	96
3	Huyện Điện Biên Đông	9	551,11	1	11	3,95	0,01	8	0,89	547,16	99
4	Huyện Mường Ảng	8	60,31					8	1,00	60,31	100
5	Huyện Tuần Giáo	7	66,56	2	29	0,85	0,01	5	0,71	65,71	99
6	Huyện Tủa Chùa	11	72,7					11	1,00	72,70	100
7	Thị xã Mường Lay	1	0,05	1	100	0,05	1,00				
8	Huyện Mường Chà	8	166,36					8	1,00	166,36	100
9	Huyện Mường Nhé	4	235,75					4	1,00	235,75	100
10	Huyện Nậm Pồ	5	71,76					5	1,00	71,76	100
	<b>Tổng cộng</b>	<b>86</b>	<b>1.280,32</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>5,22</b>		<b>81</b>	<b>0,94</b>	<b>1.275,10</b>	<b>100</b>

Biểu 01

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CHẤP THUẬN TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Báo cáo số: 121/BC-STNMT ngày 04/6/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

*Đơn vị tính: Ha*

Số TT	Đơn vị hành chính	Số dự án đã chấp thuận		Kết quả thực hiện thu hồi đất								Dự án chưa triển khai thực hiện				Dự án đã hủy bỏ		Số dự án đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất
		Số dự án	Diện tích	Dự án đã triển khai				Dự án đang triển khai				Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT	Số dự án	Diện tích	
				Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT	Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT							
1	Huyện Điện Biên	162	770,63	28	17	96,08	12	28	17	237,88	31	58	36	236,83	31	48	199,84	7
2	Thành phố Điện Biên Phủ	113	435,67	32	28	97,87	22	37	33	170,28	39	37	33	106,55	24	7	60,98	15
3	Huyện Điện Biên Đông	71	1.254,41	17	24	250,17	20	9	13	255,96	20	31	44	705,96	56	14	42,32	5
4	Huyện Mường Ảng	103	338,70	31	30	110,55	33	13	13	29,12	9	47	46	193,21	57	12	5,81	1
5	Huyện Tuần Giáo	136	610,42	46	34	190,17	31	16	12	127,13	21	70	51	278,13	46	4	14,99	10
6	Huyện Tủa Chùa	90	330,37	26	29	56,42	17	27	30	158,15	48	28	31	101,63	31	9	14,17	6
7	Thị xã Mường Lay	35	145,38	23	66	94,11	65	6	17	49,72	34	6	17	1,55	1			8
8	Huyện Mường Chà	79	554,35	18	23	26,53	5	27	34	327,07	59	32	41	200,21	36	2	0,53	4
9	Huyện Mường Nhé	110	4.234,13	28	25	2.429,08	57	38	35	1.271,13	30	35	32	520,93	12	9,00	12,99	12
10	Huyện Nậm Pồ	283	822,79	26	9	253,85	31	54	19	47,97	6	201	71	517,69	63	2	3,28	19
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.182</b>	<b>9.496,84</b>	<b>275</b>	<b>23</b>	<b>3.604,83</b>	<b>38</b>	<b>255</b>	<b>22</b>	<b>2.674,41</b>	<b>28</b>	<b>545</b>	<b>46</b>	<b>2.862,69</b>	<b>30</b>	<b>107</b>	<b>354,91</b>	<b>87</b>



**Biểu 02**

**DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG CÀN THIU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Báo cáo số: 21/BC-STNMT ngày 04/6/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Địa điểm	Các căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Thành phố Điện Biên Phủ</b>	<b>3,30</b>		
1	Khu đất đấu giá tổ 6 Him Lam	3,00	Phường Him Lam	Nghị Quyết của HĐND thành phố Điện Biên Phủ về việc chấp thuận triển khai khu đất đấu giá tổ 6 Him Lam
2	Trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh	0,30	Phường Noong Bua.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 1964/QĐ-BHXH ngày 30/10/2017 của Bảo hiểm xã Hội Việt Nam về việc phê duyệt đầu tư Trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh Điện Biên
<b>II</b>	<b>Huyện Nậm Pồ</b>	<b>58,40</b>		
1	Đường bê tông bản Nậm Nhừ 3, xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	1,20	xã Nậm Nhừ	Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường bê tông bản Nậm Nhừ 3, xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ
2	Đường bê tông bản Nậm Tin 2, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ	2,10	xã Nậm Tin	Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường bê tông bản Nậm Tin 2, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ
3	Đường bê tông các bản xã Chà Tở, huyện Nậm Pồ	1,30	xã Chà Tở	Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường bê tông các bản xã Chà Tở, huyện Nậm Pồ
4	Đường vào bản Ham Xoong 1,2 xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ	2,30	Xã Vàng Đán	Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường vào bản Ham Xoong 1,2 xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ
5	Đường bê tông bản Nà SỰ, xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ	0,70	Xã Chà Nưa	Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường bê tông bản Nà SỰ, xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ
6	Nâng cấp đường vào bản Vàng Xôn 1,2 xã Nậm Khăn, huyện Nậm Pồ	4,60	Xã Nậm Khăn	Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp đường vào bản Vàng Xôn 1,2 xã Nậm Khăn, huyện Nậm Pồ

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Địa điểm	Các căn cứ pháp lý
7	Tạo quỹ đất bố trí dân cư công trình đường nội thị và san ủi mặt bằng trung tâm huyện Nậm Pồ và đất hai bên đường từ Ngã ba Nà Hỳ vào trung tâm	20,00	TT huyện	Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án tạo quỹ đất bố trí dân cư công trình đường nội thị và san ủi mặt bằng trung tâm huyện Nậm Pồ và đất hai bên đường từ Ngã ba Nà Hỳ vào trung tâm huyện
8	Dự án cải tạo mặt bằng Trụ sở UBND xã Chà Nưa và tạo quỹ đất xây dựng nông thôn mới của xã	1,20	Xã Chà Nưa	Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo mặt bằng trụ sở xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên
9	Đường vào bản Huổi Văng - Huổi Lông, xã Nậm Khăn	25,00	Xã Nậm Khăn	Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường đi Huổi Văng - Huổi Lông, xã Nậm Khăn, huyện Nậm Pồ
<b>III</b>	<b>Huyện Mường Chà</b>	<b>35,25</b>		
1	Công trình đường đi bản Huổi Diết, Nậm Piền, Dán Đanh	35,25	Xã Mường Tùng	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Số 360/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Công trình đường đi bản Huổi Diết, Nậm Piền,
<b>VIII</b>	<b>Huyện Tuần Giáo</b>	<b>16,11</b>		
1	Đường QL6 - bản Cạn	0,68	xã Quài Cang	Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 của UBND huyện Tuần Giáo về việc giao danh mục đầu tư công vốn ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu chính phủ và vốn ngân sách huyện Tuần Giáo năm 2018
2	Đường bản Sái Ngoài - Sái Trong	0,82	xã Quài Cang	
3	Đường QL.6 - bản Cắm	0,30	xã Quài Cang	
4	Đường bản Sáng - bản Cướm	0,31	xã Quài Cang	
5	Đường từ bản Nong Giáng - Mạ Khúa	0,15	xã Quài Nưa	
6	Sửa chữa đường bản Bó - bản Nôm - bản Chăn xã Chiềng Đông	1,20	xã Chiềng Đông	
7	Đường giao thông từ bản Sáng - bản Ten Cá	0,65	xã Quài Cang	
8	BT mặt đường. Kè chắn đất đường từ QL.279 đi bản Hới (địa phận bản Ban, bản Hới), xã Quài	0,48	xã Quài Tờ	
9	Nhà văn hoá bản Thín B, xã Mường Thín	0,15	xã Mường Thín	
10	Đường + ngầm khối Tân Tiến đến bản Chiềng An	0,15	Thị trấn Tuần Giáo	

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Địa điểm	Các căn cứ pháp lý
11	Điểm trường mầm non Hua Mực 2, xã Pú Xi	0,50	xã Pú Xi	Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Chương trình 135) huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
12	Khắc phục hậu quả thiên tai công trình TĐC thị trấn Tuần Giáo	0,51	Thị trấn Tuần Giáo	
13	Trạm dừng nghỉ đèo Pha Đin	4,50	Xã Tòà Tình	
14	Đường bản Chạng - bản Phù	1,50	Xã Quài Cang	Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Chương trình 135) huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
15	Đường từ ngã ba (Tênh Phong, Huổi Anh) đến bản Huổi Anh xã Tênh	0,50	Xã Tênh Phong	
16	Đường giao thông từ QL6 đến bản Lọng Hồng xã Quài Nưa	0,71	Xã Quài Nưa	
17	Đường trung tâm xã Rạng Đông - bản Háng Á	3,00	Xã Rạng Đông	
<b>IV</b>	<b>Huyện Điện Biên Đông</b>	<b>258,00</b>		
1	Thủy Điện Sông Mã 3. (Giai đoạn 2: Khu vực lòng hồ)	258,00	các xã: Mường Luân, Phi Nhừ, Phình Giàng, Háng Lìa	QĐ số 12/QĐ-ĐA ngày 6/5/2014 của Công ty CP ĐT & XD Đông Á về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Sông Mã 3
<b>30</b>	<b>Tổng</b>	<b>371,06</b>		



**Biểu 03**

**DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Báo cáo số: 41/BC-STNMT ngày 04/6/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

*Đơn vị tính: ha*

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Chia ra các loại đất					Địa điểm	Các căn cứ pháp lý	
			Đất trồng lúa	Trong đó			Đất rừng phòng hộ			Đất khác
				Đất trồng lúa 2 vụ	Đất trồng lúa 1 vụ	Đất trồng lúa				
<b>I</b>	<b>Huyện Tuần Giáo</b>	<b>8,69</b>	<b>2,54</b>	<b>1,49</b>		<b>1,05</b>		<b>6,16</b>		
1	Đường QL6 - bản Cạn	0,68	0,28	0,28				0,40	xã Quài Cang	
2	Đường bản Sái Ngoài - Sái Trong	0,82	0,09	0,09				0,73	xã Quài Cang	
3	Đường QL6 - bản Cắm	0,30	0,30	0,30					xã Quài Cang	
4	Đường bản Sáng - bản Cườm	0,31	0,31	0,31					xã Quài Cang	
5	Đường từ bản Nong Giáng - Mạ Khúa	0,15	0,02	0,02				0,14	xã Quài Nua	
6	BT mặt đường, Kè chắn đất đường từ QL279 đi bản Hới (địa phận bản Ban, bản Hới), xã Quài Tở	0,48	0,24	0,24				0,24	xã Quài Tở	
7	Đường + ngầm khối Tân Tiến đến ban Chiềng An	0,15	0,06	0,06				0,09	Thị trấn Tuần Giáo	
8	Đường bản Chạng - bản Phủ	1,50	0,15	0,15				1,35	Xã Quài Cang	

Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 của UBND huyện Tuần Giáo về việc giao danh mục đầu tư công vốn ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu chính phủ và vốn ngân sách huyện Tuần Giáo năm 2018



Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Chia ra các loại đất						Địa điểm	Các căn cứ pháp lý
			Đất trồng lúa	Trong đó			Đất rừng phòng hộ	Đất khác		
				Đất trồng lúa 2 vụ	Đất trồng lúa 1 vụ	Đất trồng lúa				
9	Đường từ ngã ba (Tênh Phong, Huồi Anh) đến bản Huồi Anh xã Tênh Phong	0,50	0,05			0,05		0,45	Xã Tênh Phong	
10	Đường giao thông từ QL6 đến bản Lọng Hông xã Quài Nưa	0,80	0,04	0,04				0,76	Xã Quài Nưa	
11	Đường trung tâm xã Rạng Đông - bản Háng Á	3,00	1,00			1,00		2,00	Xã Rạng Đông	
<b>II</b>	<b>Huyện Điện Biên Đông</b>	<b>15,40</b>	<b>0,16</b>	<b>0,05</b>	<b>0,11</b>			<b>15,24</b>		
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét đặc biệt khó khăn các bản Suối Lư I, II, III đến định cư tại khu vực bãi Huồi Po. xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (san ủi mặt bằng khu tái định cư, đường giao thông)	15,40	0,16	0,05	0,11			15,24	xã Keo Lôm	Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 14/2/2015 của UBND tỉnh v/v phê duyệt dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét đặc biệt khó khăn các bản Suối Lư I, II, III đến định cư tại khu vực bãi Huồi Po. xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên
<b>III</b>	<b>Huyện Nậm Pồ</b>	<b>2,08</b>	<b>0,30</b>		<b>0,30</b>			<b>1,78</b>		

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Chia ra các loại đất						Địa điểm	Các căn cứ pháp lý	
			Đất trồng lúa	Trong đó			Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
				Đất trồng lúa 2 vụ	Đất trồng lúa 1 vụ	Đất trồng lúa					
1	Thao trường huyện Nậm Pồ	2,08	0,30		0,30				1,78	Xã Nậm Chua	Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Thao trường huyện Nậm Pồ
<b>IV</b>	<b>Thành phố Điện Biên Phủ</b>	<b>3,00</b>	<b>3,00</b>	<b>3,00</b>							
1	Khu đất đấu giá tổ 6 Him Lam	3,00	3,00	3,00						Phường Him Lam	Nghị Quyết của HĐND thành phố Điện Biên Phủ về việc chấp thuận triển khai khu đất đấu giá tổ 6 Him Lam
<b>13</b>	<b>Tổng</b>	<b>29,17</b>	<b>6,00</b>	<b>4,54</b>	<b>0,41</b>	<b>1,05</b>			<b>23,18</b>		

Số: /TTr-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 2018

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị chấp thuận bổ sung danh mục các dự án  
cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng  
phòng hộ vào các mục đích khác năm 2018**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thực hiện Thông báo số -TB/TU ngày tháng năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2018 trên địa bàn tỉnh;

Để triển khai thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên với các nội dung chủ yếu sau:

### **I- Kết quả thực hiện thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh**

1. Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, từ năm 2014 đến nay, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã chấp thuận thông qua các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác với tổng dự án là: **1.182 dự án** (trong đó: năm 2014 và năm 2015 số dự án là 747, năm 2016 số dự án là 176, năm 2017 số dự án là 173, năm 2018 số dự án là 86); diện tích cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng là: **9.496,84 ha** (năm 2014 và năm 2015 diện tích là 5.303,64ha, năm 2016 số diện tích là 1.470,13ha,

năm 2017 số diện tích là 1.442,76 ha, năm 2018 số diện tích là 1.280,32 ha); trong đó dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh hủy bỏ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 107 dự án với tổng diện tích là **354,91 ha**. Dự án sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ là **358** (Cụ thể: Diện tích đất trồng lúa là 327,19 ha (năm 2014 và năm 2015 diện tích là 128,17ha, năm 2016 số diện tích là 60,01ha, năm 2017 số diện tích là 102,64 ha, năm 2018 số diện tích là 36,37 ha) và diện tích đất rừng phòng hộ là 267 ha (năm 2014 và năm 2015 diện tích là 68,12ha, năm 2016 số diện tích là 65,73ha, năm 2017 số diện tích là 91,15ha, năm 2018 số diện tích là 42 ha), (Có Phụ lục số 01, số 02 và số 03 chi tiết kèm theo).

Theo báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng số danh mục các công trình đã triển khai thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất từ năm 2014 đến nay là: **530/1.182 dự án** với tổng diện tích đã thực hiện 6.279,24 ha/8.216,53ha, đạt 45% số dự án và đạt 76% về diện tích (trong đó 132/335 dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đã thực hiện, đạt 39,4% số dự án, diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là 103,25ha/290,82ha và diện tích đất rừng phòng hộ đã chuyển mục đích là 120,79ha/225ha). Tổng số danh mục các công trình dự án chưa triển khai thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất **545 dự án** với tổng diện tích 2.862,69 ha (Chi tiết có biểu số 01 kèm theo).

Riêng trong năm 2018, đã triển khai thực hiện được 5/86 dự án với diện tích 5,22 ha/1.280,32 ha; đạt 5,81% số dự án và đạt 0,4% về diện tích (Có Phụ lục 04 chi tiết theo các huyện, thị xã, thành phố kèm theo).

## 2. Nguyên nhân các công trình, dự án chưa chậm triển khai thực hiện:

- Số lượng các dự án triển khai thực hiện từ năm 2014 đến năm 2015 của các đơn vị đăng ký nhiều nhưng thiếu cơ sở pháp lý thực hiện, cụ thể: Chưa có chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư dự án, văn bản bố trí vốn; chưa xác định chính xác diện tích, loại đất để triển khai thực hiện dự án; tính khả thi thấp do khó khăn về nguồn vốn thực hiện các dự án...

- Việc xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong tổng mức đầu tư của dự án được các Chủ đầu tư tính toán theo phương pháp tạm tính mà không được khảo sát, nghiên cứu cụ thể trong bước lập dự án đầu tư dẫn đến chưa xác định hoặc xác định rất thấp tổng giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cơ cấu tổng mức đầu tư Dự án; đặc biệt nhiều dự án không xác định rõ hộ tái định cư, không xây dựng khu tái định cư trước khi thu hồi đất, chưa ưu tiên nguồn vốn giải phóng mặt bằng do đó gặp nhiều khó khăn khi triển khai thực hiện.

- Công tác tuyên truyền, tham vấn cộng đồng, công bố công khai khi triển khai thực hiện dự án chưa được các chủ đầu tư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng quan tâm, coi trọng dẫn đến nhiều dự án không được sự ủng hộ của người bị thu hồi đất.

## 3. Giải pháp thực hiện:

3.1. UBND tỉnh tiếp tục giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Chủ đầu tư rà soát danh mục các dự án cần thu hồi đất và các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng

hộ vào các mục đích khác đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận thông qua; trường hợp các dự án không thể triển khai tổng hợp tham mưu báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra khỏi danh mục dự án cần thu hồi đất và các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác.

3.2. Đối với các dự án đã được bố trí vốn: Trong thời gian tới tập trung chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình dự án; ưu tiên thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và chi trả tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền; khẩn trương hoàn thiện thu tục giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích theo quy định đối với các công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

## **II- Đề nghị xem xét chấp thuận bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác năm 2018**

### **1. Sự cần thiết lập danh mục các dự án**

Luật Đất đai năm 2013 ban hành quy định cụ thể quyền và trách nhiệm của Nhà nước đối với đất đai, trong đó có quy định các dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng do HĐND tỉnh chấp thuận: điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải có Nghị quyết của HĐND tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

Theo quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 9, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, tỉnh Điện Biên là tỉnh nghèo chưa chủ động được nguồn vốn, chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách Trung ương hỗ trợ, do đó chưa chủ động phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án theo quy định; mặt khác phát sinh một số dự án sử dụng nguồn vốn khác. Vì vậy để đảm bảo việc thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và triển khai thực hiện các dự án được đúng tiến độ, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét chấp thuận bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

### **2. Danh mục dự án đề nghị thông qua**

a) Chấp thuận **30 dự án** cần thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, với tổng nhu cầu sử dụng đất là **371,06 ha** (Chi tiết như biểu số 02 kèm theo);

Các dự án đề nghị xem xét chấp thuận đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư hoặc có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và không trùng lặp danh mục các công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

b) Chấp thuận chuyển mục đích sử dụng **6,0 ha** đất trồng lúa vào các mục đích khác để thực hiện **13 dự án** theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai (*Chi tiết như biểu số 03 kèm theo*);

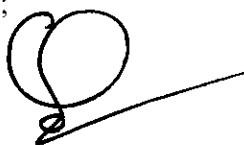
Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2018 là phù hợp với kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 07/6/2013 và phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Điện Biên đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ tại Tờ trình số 99/TTr-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Các Đ/c TT Tỉnh ủy;
- Các Đ/c lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban KT&NS HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, TH.



**Phụ lục 01: Tổng hợp danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác từ năm 2014 đến nay theo đơn vị cấp huyện**

*Đơn vị tính: ha*

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng cộng		Năm 2014 và 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích
1	Huyện Điện Biên	162	724,72	105	415,65	19	186,29	24	122,78	14	45,91
2	Thành phố Điện Biên Phủ	113	425,86	64	271,89	21	92,81	9	61,16	19	9,81
3	Huyện Điện Biên Đông	71	703,30	48	592,97	2	8,54	12	101,79	9	551,11
4	Huyện Mường Ảng	103	278,39	57	151,74	25	42,53	13	84,12	8	60,31
5	Huyện Tuần Giáo	136	543,86	53	253,66	38	142,64	38	147,56	7	66,56
6	Huyện Tủa Chùa	89	257,67	44	154,94	15	32,95	19	69,78	11	72,7
7	Thị xã Mường Lay	36	145,33	20	117,73	8	26,02	7	1,58	1	0,05
8	Huyện Mường Chà	79	387,99	52	146,33	11	29,81	8	211,85	8	166,36
9	Huyện Mường Nhé	110	3.998,38	60	2.774,70	18	712,28	28	511,40	4	235,75
10	Huyện Nậm Pồ	283	751,03	244	424,03	19	196,26	15	130,74	5	71,76
	<b>Tổng</b>	<b>1.182</b>	<b>8.216,53</b>	<b>747</b>	<b>5.303,64</b>	<b>176</b>	<b>1.470,13</b>	<b>173</b>	<b>1.442,76</b>	<b>86</b>	<b>1.280,32</b>

**Phụ lục 02: Tổng hợp danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác từ năm 2014 đến nay theo đơn vị cấp huyện**

*Đơn vị tính: ha*

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng cộng			Năm 2014 và 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
		Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Số dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
1	Huyện Điện Biên	57	51,34	84,06	38	26,47	30,75	8	10,36	6,6	8	11,83	22,8	3	2,68	23,91
2	Thành phố Điện Biên Phủ	23	25,9	0	12	7,47		9	6,94		1	9,79		1	1,7	
3	Huyện Điện Biên Đông	23	49	44,15	10	14,4	1,94	1	0,01		5	15,62	31,19	7	18,97	11,02
4	Huyện Mường Ảng	29	21,93	5,15	11	5,83	3,29	12	5,2	0,52	5	10,9	0,69	1		0,65
5	Huyện Tuần Giáo	57	38,79	55,52	17	6,76	6,7	20	14,14	22,85	19	17,19	25,97	1	0,7	
6	Huyện Tủa Chùa	27	15,54	15,19	12	2,9	11,9	8	3,38	0,09	4	6,06	3,2	3	3,2	



7	Thị xã Mường Lay	8	8,52	16,91	5	6,31	4,97	3	2,21	11,94						
8	Huyện Mường Chà	18	14,83	14,48	13	7,42	0,83	1		1,13	2	3	6,1	2	4,41	6,42
9	Huyện Mường Nhé	35	58,25	7,4	17	25,74	5,8	2	0,4	0,4	12	27,53	1,2	4	4,58	
10	Huyện Nậm Pồ	81	43,09	24,14	66	24,87	1,94	11	17,37	22,2	3	0,72		1	0,13	
	<b>Tổng</b>	<b>358</b>	<b>327,19</b>	<b>267</b>	<b>201</b>	<b>128,17</b>	<b>68,12</b>	<b>75</b>	<b>60,01</b>	<b>65,73</b>	<b>59</b>	<b>102,64</b>	<b>91,15</b>	<b>23</b>	<b>36,37</b>	<b>42</b>

**Phụ lục 04: Tổng số danh mục các công trình dự án đã triển khai thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018**

*Đơn vị tính: ha*

Số TT	Đơn vị hành chính	Số dự án được chấp thuận		Dự án đang triển khai thực hiện				Dự án chưa triển khai thực hiện			
		Số dự án	Diện tích	Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT	Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT
1	Huyện Điện Biên	14	45,91					14	1,00	45,91	100
2	Thành phố Điện Biên Phủ	19	9,81	1	5	0,37	0,04	18	0,95	9,44	96
3	Huyện Điện Biên Đông	9	551,11	1	11	3,95	0,01	8	0,89	547,16	99
4	Huyện Mường Ảng	8	60,31					8	1,00	60,31	100
5	Huyện Tuần Giáo	7	66,56	2	29	0,85	0,01	5	0,71	65,71	99
6	Huyện Tủa Chùa	11	72,7					11	1,00	72,70	100
7	Thị xã Mường Lay	1	0,05	1	100	0,05	1,00				
8	Huyện Mường Chà	8	166,36					8	1,00	166,36	100
9	Huyện Mường Nhé	4	235,75					4	1,00	235,75	100
10	Huyện Nậm Pồ	5	71,76					5	1,00	71,76	100
	<b>Tổng cộng</b>	<b>86</b>	<b>1.280,32</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>5,22</b>		<b>81</b>	<b>0,94</b>	<b>1.275,10</b>	<b>100</b>

**Phụ lục 03: Tổng số danh mục các công trình dự án đã hủy bỏ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Đơn vị hành chính	Số dự án	Diện tích
1	Huyện Điện Biên	48	199,81
2	Thành phố Điện Biên Phủ	7	60,98
3	Huyện Điện Biên Đông	14	42,32
4	Huyện Mường Ảng	12	5,81
5	Huyện Tuần Giáo	4	14,99
6	Huyện Tủa Chùa	9	14,17
7	Thị xã Mường Lay		
8	Huyện Mường Chà	2	0,53
9	Huyện Mường Nhé	9	12,99
10	Huyện Nậm Pồ	2	3,28
	<b>Tổng cộng</b>	<b>107</b>	<b>354,91</b>

Biểu 01

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CHẤP THUẬN TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Ha

Số TT	Đơn vị hành chính	Số dự án đã chấp thuận		Kết quả thực hiện thu hồi đất								Dự án chưa triển khai thực hiện				Dự án đã hủy bỏ		Số dự án đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất
		Số dự án	Diện tích	Dự án đã triển khai				Dự án đang triển khai				Dự án chưa triển khai thực hiện				Số dự án	Diện tích	
				Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT	Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT	Số dự án	Tỷ lệ % số DA	Diện tích	Tỷ lệ % DT			
1	Huyện Điện Biên	162	770,63	28	17	96,08	12	28	17	237,88	31	58	36	236,83	31	48	199,84	7
2	Thành phố Điện Biên Phủ	113	435,67	32	28	97,87	22	37	33	170,28	39	37	33	106,55	24	7	60,98	15
3	Huyện Điện Biên Đông	71	1.254,41	17	24	250,17	20	9	13	255,96	20	31	44	705,96	56	14	42,32	5
4	Huyện Mường Ảng	103	338,70	31	30	110,55	33	13	13	29,12	9	47	46	193,21	57	12	5,81	1
5	Huyện Tuần Giáo	136	610,42	46	34	190,17	31	16	12	127,13	21	70	51	278,13	46	4	14,99	10
6	Huyện Tủa Chùa	90	330,37	26	29	56,42	17	27	30	158,15	48	28	31	101,63	31	9	14,17	6
7	Thị xã Mường Lay	35	145,38	23	66	94,11	65	6	17	49,72	34	6	17	1,55	1			8
8	Huyện Mường Chà	79	554,35	18	23	26,53	5	27	34	327,07	59	32	41	200,21	36	2	0,53	4
9	Huyện Mường Nhé	110	4.234,13	28	25	2.429,08	57	38	35	1.271,13	30	35	32	520,93	12	9,00	12,99	12
10	Huyện Nậm Pồ	283	822,79	26	9	253,85	31	54	19	47,97	6	201	71	517,69	63	2	3,28	19
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.182</b>	<b>9.496,84</b>	<b>275</b>	<b>23</b>	<b>3.604,83</b>	<b>38</b>	<b>255</b>	<b>22</b>	<b>2.674,41</b>	<b>28</b>	<b>545</b>	<b>46</b>	<b>2.862,69</b>	<b>30</b>	<b>107</b>	<b>354,91</b>	<b>87</b>



**Biểu 02**

**DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG CÀN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Địa điểm	Các căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Thành phố Điện Biên Phủ</b>	<b>3,30</b>		
1	Khu đất đấu giá tổ 6 Him Lam	3,00	Phường Him Lam	Nghị Quyết của HĐND thành phố Điện Biên Phủ về việc chấp thuận triển khai khu đất đấu giá tổ 6 Him Lam
2	Trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh	0,30	Phường Noong Bua.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 1964/QĐ-BHXH ngày 30/10/2017 của Bảo hiểm xã Hội Việt Nam về việc phê duyệt đầu tư Trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh Điện Biên
<b>II</b>	<b>Huyện Nậm Pồ</b>	<b>58,40</b>		
1	Đường bê tông bản Nậm Nhừ 3, xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	1,20	xã Nậm Nhừ	Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường bê tông bản Nậm Nhừ 3, xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ
2	Đường bê tông bản Nậm Tin 2, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ	2,10	xã Nậm Tin	Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường bê tông bản Nậm Tin 2, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ
3	Đường bê tông các bản xã Chà Tờ, huyện Nậm Pồ	1,30	xã Chà Tờ	Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường bê tông các bản xã Chà Tờ, huyện Nậm Pồ
4	Đường vào bản Ham Xoong 1,2 xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ	2,30	Xã Vàng Đán	Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường vào bản Ham Xoong 1,2 xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ
5	Đường bê tông bản Nà SỰ, xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ	0,70	Xã Chà Nưa	Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường bê tông bản Nà SỰ, xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ
6	Nâng cấp đường vào bản Vàng Xôn 1,2 xã Nậm Khăn, huyện Nậm Pồ	4,60	Xã Nậm Khăn	Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp đường vào bản Vàng Xôn 1,2 xã Nậm Khăn, huyện Nậm Pồ

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Địa điểm	Các căn cứ pháp lý
7	Tạo quỹ đất bố trí dân cư công trình đường nội thị và san ủi mặt bằng trung tâm huyện Nậm Pồ và đất hai bên đường từ Ngã ba Nà Hỳ vào trung tâm	20,00	TT huyện	Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án tạo quỹ đất bố trí dân cư công trình đường nội thị và san ủi mặt bằng trung tâm huyện Nậm Pồ và đất hai bên đường từ Ngã ba Nà Hỳ vào trung tâm huyện
8	Dự án cải tạo mặt bằng Trụ sở UBND xã Chà Nưa và tạo quỹ đất xây dựng nông thôn mới của xã	1,20	Xã Chà Nưa	Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo mặt bằng trụ sở xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên
9	Đường vào bản Huổi Văng - Huổi Lông, xã Nậm Khăn	25,00	Xã Nậm Khăn	Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Nậm Pồ về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường đi Huổi Văng - Huổi Lông, xã Nậm Khăn, huyện Nậm Pồ
<b>III</b>	<b>Huyện Mường Chà</b>	<b>35,25</b>		
1	Công trình đường đi bản Huổi Điết, Nậm Piền, Đán Danh	35,25	Xã Mường Tùng	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Số 360/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Công trình đường đi bản Huổi Điết, Nậm Piền,
<b>VIII</b>	<b>Huyện Tuần Giáo</b>	<b>16,11</b>		
1	Đường QL6 - bản Cạn	0,68	xã Quài Cang	Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 của UBND huyện Tuần Giáo về việc giao danh mục đầu tư công vốn ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu chính phủ và vốn ngân sách huyện Tuần Giáo năm 2018
2	Đường bản Sái Ngoài - Sái Trong	0,82	xã Quài Cang	
3	Đường QL.6 - bản Cẩm	0,30	xã Quài Cang	
4	Đường bản Sáng - bản Cướm	0,31	xã Quài Cang	
5	Đường từ bản Nong Giáng - Mạ Khúa	0,15	xã Quài Nưa	
6	Sửa chữa đường bản Bó - bản Nôm - bản Chăn xã Chiềng Đông	1,20	xã Chiềng Đông	
7	Đường giao thông từ bản Sáng - bản Ten Cá	0,65	xã Quài Cang	
8	BT mặt đường, Kè chắn đất đường từ QL279 đi bản Hời (địa phận bản Ban, bản Hời), xã Quài	0,48	xã Quài Tò	
9	Nhà văn hoá bản Thín B, xã Mường Thín	0,15	xã Mường Thín	
10	Đường + ngầm khối Tân Tiến đến bản Chiềng An	0,15	Thị trấn Tuần Giáo	

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Địa điểm	Các căn cứ pháp lý
11	Điểm trường mầm non Hua Mực 2, xã Pú Xi	0,50	xã Pú Xi	Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Chương trình 135) huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
12	Khắc phục hậu quả thiên tai công trình TĐC thị trấn Tuần Giáo	0,51	Thị trấn Tuần Giáo	
13	Trạm dừng nghỉ đèo Pha Đin	4,50	Xã Tủa Tình	
14	Đường bản Chạng - bản Phủ	1,50	Xã Quài Cang	Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Chương trình 135) huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
15	Đường từ ngã ba (Tênh Phong, Huổi Anh) đến bản Huổi Anh xã Tênh	0,50	Xã Tênh Phong	
16	Đường giao thông từ QL6 đến bản Lọng Hồng xã Quài Nưa	0,71	Xã Quài Nưa	
17	Đường trung tâm xã Rạng Đông - bản Háng Á	3,00	Xã Rạng Đông	
<b>IV</b>	<b>Huyện Điện Biên Đông</b>	<b>258,00</b>		
1	Thủy Điện Sông Mã 3. (Giai đoạn 2: Khu vực lòng hồ)	258,00	các xã: Mường Luân, Phi Nhừ, Phình Giàng, Háng Lìa	QĐ số 12/QĐ-ĐA ngày 6/5/2014 của Công ty CP ĐT & XD Đông Á về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Sông Mã 3
<b>30</b>	<b>Tổng</b>	<b>371,06</b>		





**DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ  
VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Chia ra các loại đất						Địa điểm	Các căn cứ pháp lý
			Đất trồng lúa	Trong đó			Đất rừng phòng hộ	Đất khác		
				Đất trồng lúa 2 vụ	Đất trồng lúa 1 vụ	Đất trồng lúa				
<b>I</b>	<b>Huyện Tuần Giáo</b>	<b>8,69</b>	<b>2,54</b>	<b>1,49</b>		<b>1,05</b>		<b>6,16</b>		
1	Đường QL6 - bản Cạn	0,68	0,28	0,28				0,40	xã Quài Cang	
2	Đường bản Sái Ngoài - Sái Trong	0,82	0,09	0,09				0,73	xã Quài Cang	
3	Đường QL6 - bản Cắm	0,30	0,30	0,30					xã Quài Cang	
4	Đường bản Sáng - bản Cướm	0,31	0,31	0,31					xã Quài Cang	
5	Đường từ bản Nong Giàng - Mạ Khúa	0,15	0,02	0,02				0,14	xã Quài Nưa	
6	BT mặt đường, Kè chắn đất đường từ QL279 đi bản Hói (địa phận bản Ban, bản Hói), xã Quài Tơ	0,48	0,24	0,24				0,24	xã Quài Tơ	
7	Đường + ngầm khối Tân Tiên đến bản Chiềng An	0,15	0,06	0,06				0,09	Thị trấn Tuần Giáo	
8	Đường bản Chạng - bản Phù	1,50	0,15	0,15				1,35	Xã Quài Cang	

Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 của UBND huyện Tuần Giáo về việc giao danh mục đầu tư công vốn ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu chính phủ và vốn ngân sách huyện Tuần Giáo năm 2018

Số TT	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Chia ra các loại đất						Địa điểm	Các căn cứ pháp lý
			Đất trồng lúa	Trong đó			Đất rừng phòng hộ	Đất khác		
				Đất trồng lúa 2 vụ	Đất trồng lúa 1 vụ	Đất trồng lúa				
9	Đường từ ngã ba (Tênh Phong, Huồi Anh) đến bản Huồi Anh xã Tênh Phong	0,50	0,05			0,05		0,45	Xã Tênh Phong	
10	Đường giao thông từ QL6 đến bản Lọng Hông xã Quải Nưa	0,80	0,04	0,04				0,76	Xã Quải Nưa	
11	Đường trung tâm xã Rạng Đông - bản Háng Á	3,00	1,00			1,00		2,00	Xã Rạng Đông	
<b>II</b>	<b>Huyện Điện Biên Đông</b>	<b>15,40</b>	<b>0,16</b>	<b>0,05</b>	<b>0,11</b>			<b>15,24</b>		
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét đặc biệt khó khăn các bản Suối Lư I, II, III đến định cư tại khu vực bãi Huồi Po, xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (san ủi mặt bằng khu tái định cư, đường giao thông)	15,40	0,16	0,05	0,11			15,24	xã Keo Lôm	Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 14/2/2015 của UBND tỉnh v/v phê duyệt dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét đặc biệt khó khăn các bản Suối Lư I, II, III đến định cư tại khu vực bãi Huồi Po, xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên
<b>III</b>	<b>Huyện Nậm Pồ</b>	<b>2,08</b>	<b>0,30</b>		<b>0,30</b>			<b>1,78</b>		

